

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN
NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 320.../PLNB-CBTT

Ninh Bình, ngày 13 tháng 02 năm 2026

Về việc: Công bố biên bản kiểm toán của
Kiểm toán nhà nước

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

- Mã chứng khoán : NFC

- Địa chỉ: Tổ dân phố Bộ Đầu - Phường Nam Hoa Lư - Tỉnh Ninh Bình

- Điện thoại liên hệ : 02293.610863

Fax: 02293.610013

- Email: Phan_lan_ninh_binh@yahoo.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

3. Ngày nhận Biên bản kiểm toán: 12/02/2026

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13.../.../2026 tại đường dẫn: <http://niferco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT Cty;
- Webstie Công ty;
- Lưu TCKT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI UQC BTT**



Nguyễn Ngọc Thuận

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

**BIÊN BẢN KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2024 CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH**

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TOÁN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Thực hiện Quyết định số 1390/QĐ-KTNN ngày 28/8/2025 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Tổ kiểm toán số 5 thuộc Đoàn kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam của KTNN chuyên ngành VI đã thực hiện kiểm toán tại Công ty CP Phân lân Ninh Bình từ ngày 1/10/2025 đến ngày 14/10/2025.

Hôm nay, ngày tháng 10 năm 2025, tại Văn phòng Công ty CP Phân lân Ninh Bình, chúng tôi gồm:

A. Kiểm toán nhà nước

- | | |
|--------------------------|-------------------------|
| 1. Ông Đồng Tiến Cốc | Chức vụ: Tổ trưởng |
| Số hiệu thẻ KTVNN: B0664 | |
| 2. Ông Đậu Xuân Hùng | Chức vụ: Kiểm toán viên |
| Số hiệu thẻ KTVNN: C0430 | |
| 3. Ông Nguyễn Ngọc Thắng | Chức vụ: Kiểm toán viên |
| Số hiệu thẻ KTVNN: C0417 | |
| 4. Ông Đoàn Phạm Thảo | Chức vụ: Kiểm toán viên |
| Số hiệu thẻ KTVNN: C0396 | |

B. Đại diện Công ty CP Phân lân Ninh Bình

- | | |
|--------------------------|-------------------------|
| 1. Ông Dương Như Đức | Chức vụ: Giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Ngọc Thuận | Chức vụ: Kế toán trưởng |
- Cùng nhau thống nhất lập Biên bản kiểm toán như sau:

1. Nội dung kiểm toán

- Việc bảo toàn, phát triển vốn; việc cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, việc thoái vốn của DNNN tại các DN khác; hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính.

- Việc thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp.

- Việc tuân thủ pháp luật về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Việc thực hiện trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

- Việc quản lý và sử dụng đất đai.

Đối với Chuyên đề việc quản lý, sử dụng, sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, nội dung kiểm toán

trọng yếu được xác định như sau: thực hiện các nội dung theo Đề cương kiểm toán Chuyên đề ban hành kèm theo Quyết định số 376/QĐ-KTNN ngày 14/3/2025 của Tổng Kiểm toán nhà nước, cụ thể các nội dung sau:

+ Việc lập báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với tất cả các cơ sở nhà, đất của Công ty mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và các đơn vị được kiểm toán đang quản lý, sử dụng để tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP (khoản 1 Điều 5, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP) trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do đơn vị được kiểm toán cung cấp.

+ Công tác tổng hợp của các đơn vị được kiểm toán đối với các báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với các cơ sở nhà, đất đang quản lý, sử dụng để báo cáo cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

+ Việc tổ chức thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất sau khi được phê duyệt đối với các đơn vị được kiểm toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

- Việc quản lý công nợ, duy trì và đảm bảo khả năng thanh toán.

- Việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

- Việc tuân thủ định mức sản xuất, định mức hao hụt vật tư trong sản xuất sản phẩm, quản lý, hạch toán giá thành sản xuất kinh doanh, quản lý hàng tồn kho.

- Việc tuân thủ pháp luật về giá đối với sản phẩm phân lân, phân NPK; thương mại (quảng cáo, khuyến mại, chiết khấu).

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

- Thời kỳ được kiểm toán: niên độ tài chính 2024 và các thời kỳ trước sau có liên quan;

- Việc quản lý, sử dụng, sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP: giai đoạn 2018-2024 và thời kỳ trước sau có liên quan.

- Đơn vị được kiểm toán: Công ty CP Phân lân Ninh Bình

2.2. Giới hạn kiểm toán

Căn cứ Kế hoạch số 408/KH-CNVI ngày 28/8/2025 về kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và điều kiện khách quan về thời gian, nhân lực và để tránh chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Tổ kiểm toán giới hạn như sau:

- Không kiểm toán báo cáo lưu chuyển tiền tệ; không chứng kiến việc kiểm kê tiền mặt, tài sản, vật tư, hàng hóa tồn kho, sản phẩm dở dang.

- Không kiểm toán lại các nội dung đã được các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thực hiện để tránh chồng chéo, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh

doanh của doanh nghiệp.

- Đối với kiểm toán quản lý, sử dụng đất đai: chỉ kiểm toán hồ sơ pháp lý của đất; về nghĩa vụ với NSNN liên quan đến đất đai: chỉ thực hiện kiểm toán trên cơ sở thông báo của cơ quan thuế.

- Đối với Chuyên đề việc quản lý, sử dụng, sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo việc sắp xếp và xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP: Chỉ thực hiện kiểm toán các báo cáo kê khai, phương án đề xuất sắp xếp lại, xử lý nhà đất được báo cáo, kê khai đề xuất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP. Không thực hiện kiểm toán các báo cáo kê khai và đề xuất phương án việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất được các đơn vị trực tiếp sử dụng lập báo cáo và đề xuất phương án trước thời điểm Nghị định số 167/2017/NĐ-CP có hiệu lực (01/01/2018) và các phương án được duyệt tương ứng.

- Không kiểm tra, đối chiếu, xác nhận với bên thứ 3 có liên quan; không kiểm tra xác minh tính trung thực, hợp lý của các báo giá, bản chào lãi suất; không xác minh, xác nhận nguồn gốc, quy cách, giá cả, chất lượng, hóa đơn của hàng hóa, vật tư, thiết bị, dịch vụ đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh¹. Trong trường hợp thấy cần thiết, Tổ Kiểm toán sẽ báo cáo Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành VI để báo cáo xin ý kiến của lãnh đạo KTNN và chỉ thực hiện sau khi được Lãnh đạo KTNN phê duyệt.

- Không kiểm toán các dự án đầu tư XD/CB hình thành TSCĐ mới và nâng cấp TSCĐ.

Tổ KTNN chỉ thực hiện các thủ tục đối chiếu, so sánh, phân tích hồ sơ, tài liệu do đơn vị được kiểm toán cung cấp. Các chỉ tiêu tổng hợp và hợp nhất báo cáo tài chính của các đơn vị không kiểm toán được tổng hợp theo số liệu báo cáo của doanh nghiệp. Đơn vị được kiểm toán chịu trách nhiệm về tính pháp lý, xác thực của hồ sơ, tài liệu số liệu cung cấp cho Kiểm toán nhà nước.

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động Đoàn kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Biên bản kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên, Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty CP Phân lân Ninh Bình được lập ngày 22 tháng 02 năm 2025 và các tài liệu có liên quan.

¹ Giới hạn kiểm toán này chủ yếu do: KTV không chứng kiến việc đàm phán ký kết hợp đồng, thực tế quá trình nhập kho, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, thi công sửa chữa, cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm phát sinh và giới hạn về nhân lực, thời gian

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ, XÁC NHẬN KIỂM TOÁN

I. KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kiểm toán số liệu báo cáo tài chính

- Kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 (*Chi tiết Phụ lục 02a/BBKT-DN kèm theo*);
- Kiểm toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 (*Chi tiết Phụ lục 02b/BBKT-DN kèm theo*);
- Kiểm toán thực hiện nghĩa vụ với NSNN đến 31/12/2024 (*Chi tiết Phụ lục 02c/BBKT-DN kèm theo*);

2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực hợp lý của Báo cáo tài chính

Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán: Lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng (*Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày BCTC, và các quy định pháp lý có liên quan*); áp dụng các thủ tục kiểm soát nội bộ mà Công ty CP Phân lân Ninh Bình xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính: KTNN thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 do Công ty CP Phân lân Ninh Bình lập ngày 22/02/2025 và đã được Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam xác nhận. Theo ý kiến của Tổ KTNN, ngoại trừ các ảnh hưởng bởi giới hạn kiểm toán và những tồn tại, hạn chế (trình bày tại Biên bản kiểm toán), xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty CP Phân lân Ninh Bình đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng và quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

II. KIỂM TOÁN VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

1. Đánh giá chung

Công ty CP Phân lân Ninh Bình hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp quy có nội dung điều chỉnh phạm vi hoạt động, các Luật Thuế, Luật Kế toán và các luật khác có liên quan, các văn bản hướng dẫn thi hành các luật đang có hiệu lực; thực hiện quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh theo các văn bản, quy chế do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và Công ty CP Phân lân Ninh Bình ban hành.

Kết quả kiểm toán chọn mẫu cho thấy năm 2024, công tác quản lý tài chính, kế toán, vốn, tiền, tài sản nhà nước của Công ty CP Phân lân Ninh Bình như sau:

- Công ty CP Phân lân Ninh Bình đã được mở sổ kế toán theo dõi chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; cuối năm, thành lập Hội đồng kiểm kê để thực hiện kiểm kê tài sản và thực hiện gửi thư (lập biên bản) đối chiếu, xác nhận công nợ, xác nhận số dư tiền gửi với ngân hàng làm cơ sở để lập Báo cáo tài chính. Các khoản nợ phải thu, phải trả đã được hạch toán, theo dõi chi tiết từng đối tượng. Hàng tồn kho được mở sổ kế toán được theo dõi, hạch toán nhập xuất chi tiết theo từng mã. Tài sản cố định (TSCĐ) được mở sổ theo dõi chi tiết cho từng tài sản và trích khấu hao theo quy định. Các khoản doanh thu, thu nhập và chi phí cơ bản đã được hạch toán và phản ánh đầy đủ; tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

- Kế hoạch tiền lương của Công ty được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam giao theo Quyết định số 330/QĐ-HCVN ngày 21/12/2023. Đến thời điểm kiểm toán, quỹ tiền lương thực hiện của Công ty đã được HĐQT Công ty phê duyệt quyết toán theo Nghị quyết số 481/NQ-HĐQT ngày 02/04/2025.

Tuy nhiên, qua kiểm toán chọn mẫu cho thấy việc tuân thủ pháp luật, chế độ tài chính, kế toán và quản lý, sử dụng vốn, tiền, tài sản nhà nước của Công ty CP Phân lân Ninh Bình còn có những hạn chế, tồn tại trình bày cụ thể tại mục 2 và kết quả kiểm toán điều chỉnh tại các Phụ lục kèm theo.

2. Những hạn chế tồn tại

2.1. Quản lý tài chính, kế toán

2.1.1. Quản lý tài sản ngắn hạn

- *Đối với công nợ phải thu khách hàng*: Cuối năm Công ty đã gửi Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ cho 75/79 khách hàng, đạt 95%. Còn 4²/79 khách hàng Công ty không gửi Biên bản đối chiếu (nguyên nhân đây là những khách hàng nợ khó đòi và đã có quyết định thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình), giá trị Công ty gửi biên bản xác nhận, đối chiếu công nợ và khách hàng xác nhận tại Biên bản đối chiếu xác nhận, công nợ đạt 96% (57.605/59.834 triệu đồng).

+ Khoản nợ phải thu khó đòi là 2.229 triệu đồng phát sinh từ những năm 2010, 2011³ (năm 2024 không phát sinh nợ phải thu khó đòi). Công ty đã thực hiện khởi kiện ra tòa, vụ việc đã có phán quyết của tòa án và được Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình ban hành các quyết định thi hành án theo yêu cầu⁴, đến thời điểm 31/12/2024 các khoản nợ vẫn chưa thu hồi được. Trong năm 2024 Công ty làm việc với Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình để đôn đốc thu hồi công nợ khó đòi. Kết quả cụ thể như sau: Công ty, Cục thi

² 04 khách hàng chưa đối chiếu được đều là khoản công nợ phải thu khó đòi phát sinh từ những năm 2010, 2011: Hội nông dân Huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình; Hội nông dân thị trấn Nho Quan; Hội nông dân xã Văn Phong- huyện Nho Quan; Hội nông dân xã Đức Long- huyện Nho Quan.

³ Hội nông dân Huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình 1.004 triệu đồng, Hội nông dân thị trấn Nho Quan 599 triệu đồng, Hội nông dân xã Văn Phong- huyện Nho Quan 260 triệu đồng, Hội nông dân xã Đức Long- huyện Nho Quan 365 triệu đồng.

⁴ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 444,445/QĐ-CCTHADS ngày 12/6/2019, số 140/QĐ-CCTHADS ngày 23/11/2020, số 79/QĐ-CCTHADS ngày 03/11/2021.

hành án dân sự huyện Nho Quan và các khách hàng nợ đã cùng nhau lập các biên bản về việc giải quyết thi hành án⁵.

Các khoản công nợ khó đòi này đã được đánh giá, nhận xét tại Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Công ty Cp Phân lân Ninh Bình ngày 31/7/2019 của Kiểm toán nhà nước.

2.1.2. Quản lý tài sản dài hạn

Công trình sửa chữa nâng cấp bổ sung thay thế mới Hệ thống đóng bao sản phẩm của dây chuyền về viên sản xuất NPK năm 2024 đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ. Tuy nhiên, Công ty CP Phân lân Ninh Bình hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ là chưa phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Qua kiểm toán phải điều chỉnh như phần số liệu đã nêu.

2.1.3. Quản lý doanh thu, chi phí:

Một số tồn tại qua kiểm toán phải điều chỉnh số liệu tại Phụ lục 02b/BBKT-DN:

- Chi phí sửa chữa nâng cấp bổ sung thay thế mới Hệ thống đóng bao sản phẩm của dây chuyền về viên sản xuất NPK, đơn vị hạch toán vào chi phí sản xuất trong kỳ là chưa đúng theo khoản 1⁶ Điều 7 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Chi phí tư vấn khảo sát lập hồ sơ thiết kế, thẩm duyệt thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình cải tạo sửa chữa nhà kho, đơn vị hạch toán vào chi phí trong kỳ chưa đúng theo khoản 1⁷ Điều 46 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và khoản 1⁸ Điều 31 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Chưa phân bổ chi phí vận chuyển cho lượng tồn kho cuối kỳ theo quy định tại Đoạn 6⁹ Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

⁵ Biên bản về việc giải quyết thi hành án ngày 24/5/2024, 01/07/2024, 12/11/2024.

⁶ Điều 7. Đầu tư nâng cấp, sửa chữa tài sản cố định:

1. Các chi phí doanh nghiệp chi ra để đầu tư nâng cấp tài sản cố định được phản ánh tăng nguyên giá của TSCĐ đó, không được hạch toán các chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

⁷ Điều 46. Tài khoản 241 - Xây dựng cơ bản dở dang

1. Nguyên tắc kế toán: b) Chi phí thực hiện các dự án đầu tư XDCB là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình... Chi phí đầu tư XDCB, bao gồm: Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; Chi phí khác.

⁸ Điều 31. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1. Các công việc tư vấn đầu tư xây dựng gồm: a) Lập nhiệm vụ, lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng, lập nhiệm vụ thiết kế; thực hiện khảo sát xây dựng, giám sát khảo sát xây dựng; lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có), Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (nếu có), Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

⁹ Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu

2.1.4. Việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN:

Qua kiểm toán điều chỉnh doanh thu, chi phí dẫn đến tăng thu nhập chịu thuế TNDN, tăng thuế TNDN phải nộp 911 triệu đồng.

2.2. Quản lý, sử dụng vốn, tiền, tài sản nhà nước

2.2.1. Quản lý tiền và các khoản tương đương tiền:

- Năm 2024, Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 948/QĐ-HĐQT ngày 02/8/2023 của Hội đồng quản trị chưa sửa đổi, bổ sung quy định về thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại khoản 1¹⁰ Điều 17 và khoản 1¹¹ Điều 18 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ về việc thanh toán không dùng tiền mặt.

- Công ty chưa ban hành quy chế quản lý tiền nhàn rỗi theo quy định tại điểm 1¹² khoản 2 Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2022.

2.2.2. Quản lý hàng tồn kho:

Công ty chưa ban hành quy định về quản lý kho gửi hàng trong quá trình hàng hóa lưu kho theo quy định tại Điều 11¹³ Chương IV Quy chế bán hàng ban hành kèm theo Quyết định số 949/QĐ-HĐQT ngày 2/8/2023 của Hội đồng quản trị.

3. Các nội dung kiểm toán khác

3.1. Việc quản lý và sử dụng đất đai.

Đối với Chuyên đề việc quản lý, sử dụng, sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP (chi tiết tại Phụ lục số 2.1, 2.2, 2.3/BBKT-DN kèm theo).

- Công ty lập báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với tất cả các cơ sở nhà, đất của Công ty và báo cáo cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do đơn vị được kiểm toán cung cấp.

- Công ty đã tổng hợp các báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với các cơ sở nhà, đất đang quản lý, sử dụng để báo cáo cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định

gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

¹⁰ 1. Dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán của khách hàng, bao gồm: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ; c) Các dịch vụ thanh toán khác thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

¹¹ 1. Dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, bao gồm: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán: chuyển tiền, thu hộ, chi hộ; b) Các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

¹² Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

...l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty...

¹³ Điều 11: Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc Công ty ban hành quy định về quản lý kho gửi hàng và tổ chức thực hiện đảm bảo an toàn hàng hóa, không được hư hỏng, mất mát hàng hóa trong quá trình hàng hóa lưu kho.

số 167/2017/NĐ-CP.

- Công ty đã tổ chức thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất sau khi được phê duyệt đối với các đơn vị được kiểm toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

- Hồ sơ pháp lý: Các cơ sở nhà đất Công ty quản lý, sử dụng có đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định của Pháp luật như: Quyết định cho thuê đất, giấy chứng nhận QSD đất và Hợp đồng thuê đất.

- Công ty kê khai, nộp tiền thuê đất, thuế đất và các nghĩa vụ với NSNN theo các thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.2 Việc tuân thủ pháp luật về giá đối với sản phẩm phân lân, phân NPK; thương mại (quảng cáo, khuyến mại, chiết khấu).

Trong năm 2024, Công ty đã gửi các công văn Kê khai giá số 56/CV-PL ngày 09/01/2024, 615/CV-PL ngày 23/04/2024 gửi Cục Quản lý giá- Bộ Tài chính, Công văn số 1724/CV-PL ngày 05/11/2024 gửi Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, với nội dung thông báo điều chỉnh giá bán đối với các sản phẩm phân bón NPK áp dụng từ các ngày 15/1/2024, 01/05/2024, 12/11/2024 theo quy định.

3.3. Việc tuân thủ quy chế, quy định nội bộ trong Mua sắm hàng hóa, vật tư, nguyên vật liệu và thuê ngoài cung ứng dịch vụ để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, duy trì hoạt động thường xuyên

Công ty CP phân lân Ninh Bình đã tổ chức mua sắm hàng hóa, vật tư, nguyên vật liệu và thuê ngoài cung ứng dịch vụ để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, duy trì hoạt động thường xuyên cơ bản tuân thủ theo “Quy chế mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ” được ban hành kèm theo Quyết định số 535/QĐ-HĐQT ngày 02/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty. Qua chọn mẫu một số hợp đồng mua sắm¹⁴ cho thấy công tác lập kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp, tổ chức đàm phán ký kết hợp đồng và thực hiện nghiệm thu thanh toán cơ bản tuân thủ các quy định của Công ty.

3.4. Việc tuân thủ định mức sản xuất, định mức hao hụt vật tư trong sản xuất sản phẩm, quản lý, hạch toán giá thành sản xuất kinh doanh, quản lý hàng tồn kho

Năm 2024 căn cứ Nghị quyết số 191/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty, Giám đốc Công ty CP Phân lân Ninh Bình đã có Quyết định số 263/QĐ-PLNB ngày 22/02/2024 về việc ban hành định mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu chính cho sản phẩm phân lân nung chảy năm 2024.

Qua xem xét việc thực hiện định mức sản xuất, định mức hao hụt vật tư trong sản xuất sản phẩm, quản lý, hạch toán giá thành cho thấy năm 2024, Công ty đã thực hiện theo các quy định mà Hội đồng quản trị, giám đốc Công ty ban hành.

3.5. Việc tuân thủ pháp luật về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

¹⁴ Hợp đồng số 01/2024/HĐKT/TN-PLNB ngày 24/01/2024; Hợp đồng mua bán số 301/HĐMB-PL ngày 14/5/2024; Hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/HĐ-APT ngày 05/01/2024; Hợp đồng mua bán than năm 2024 số 305/HĐ/TKV-PLNB ngày 29/12/2023.

- Việc tuân thủ về phòng, chống tham nhũng:

Thực hiện Công văn số 43-CV/KTĐU ngày 09/02/2023 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc báo cáo, kết quả công tác kiểm tra, giám sát và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các Công văn hướng dẫn về thực hiện triển khai chương trình/kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Trên cơ sở đó, Công ty đã xây dựng, ban hành chương trình/kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo đúng các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn. Ngày 20/11/2024, Công ty đã báo cáo kết quả thực hiện tại Công văn số 592-BC/ĐU ngày 20/11/2024 gửi Đảng ủy Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Theo báo cáo của Công ty năm 2024 Công ty không có tập thể, cá nhân nào vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- Việc tuân thủ pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Thực hiện Công văn số 2173/HCVN-TCKT ngày 12/12/2024 về việc báo cáo kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024 và các văn bản hướng dẫn các chỉ tiêu đăng ký thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, bản đăng ký của Công ty gửi Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Ngày 31/12/2024, Công ty có Công văn số 2124/BC-PLNB về việc báo cáo kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024, theo đó: Công ty đã hoàn thành tất cả các chỉ tiêu thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024 đã đăng ký với Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Theo báo cáo của Công ty thì năm 2024 không để xảy ra hành vi lãng phí gây thất thoát tài sản nào ở Công ty bị xử lý.

3.6. Việc bảo toàn, phát triển vốn; việc cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, việc thoái vốn của DNNN tại các DN khác; hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính.

Theo báo cáo năm 2024 và các năm tiếp theo Công ty chưa có chủ trương cơ cấu lại, thoái vốn DNNN.

3.7. Việc thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp.

Thực hiện Văn bản số 133/HCVN-TCKT ngày 04/02/2025 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, về việc thực hiện triển khai các nội dung liên quan đến công tác tài chính, kế toán, Công ty đã có Văn bản số 264/BC-PLNB ngày 28/02/2025, về việc báo cáo tình hình quản lý tài chính tại Công ty CP Phân lân Ninh Bình năm 2024, theo đó Công ty đã báo cáo các nội dung về: Báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và các phụ biểu về báo cáo tình hình đầu tư vốn, báo cáo về tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN, báo cáo về đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2024... gửi về Tập đoàn Hóa chất Việt Nam theo quy định.

Năm 2024, Công ty xếp loại doanh nghiệp loại B tại Quyết định số 312/QĐ-HCVN ngày 07/08/2025 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

3.8. Việc thực hiện trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Biên bản này làm căn cứ để lập Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty CP Phân lân Ninh Bình, gồm trang, từ trang 1 đến trang , các phụ lục từ số 02a/BBKT-DN, 02b/BBKT-DN, 02c/BBKT-DN, 2.1/BBKT-DN, 2.2/BBKT-DN, 2.3/BBKT-DN, 03/BBKT-DN là bộ phận không tách rời và được lập thành 04 bản có giá trị như nhau: KTNN giữ 02 bản, Công ty CP Phân lân Ninh Bình giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Đương Như Đức

Nguyễn Ngọc Thuần

**TỔ TRƯỞNG
TỔ KIỂM TOÁN**

Đồng Tiến Cổ

Số hiệu thẻ KTVNN: B0664

TRƯỞNG ĐOÀN KTNN

Nguyễn Đình Sơn

Số hiệu thẻ KTVNN: A0047

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	341.311.146.403	345.111.146.403	3.800.000.000
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	89.566.413.589	89.566.413.589	-
1. Tiền	111	20.066.413.589	20.066.413.589	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	69.500.000.000	69.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá chung khoản kinh doanh (*)	122	-	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	59.564.369.902	59.564.369.902	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	59.834.995.151	59.834.995.151	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	776.813.789	776.813.789	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.181.810.312	1.181.810.312	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(2.229.249.350)	(2.229.249.350)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	192.103.180.312	195.903.180.312	3.800.000.000
1. Hàng tồn kho	141	192.103.180.312	195.903.180.312	3.800.000.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	77.182.600	77.182.600	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	49.840.150	49.840.150	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	27.342.450	27.342.450	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	7.590.078.806	8.348.416.943	758.338.137
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	12.000.000	12.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-	-

4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	12.000.000	12.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn kho đơn (*)	219	-	-	-
II. Tài sản cố định	220	7.105.627.536	7.631.765.673	526.138.137
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.038.371.829	7.564.509.966	526.138.137
- Nguyên giá	222	87.990.279.758	88.524.219.758	533.940.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(80.951.907.929)	(80.959.709.792)	(7.801.863)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-
- Nguyên giá	225	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	67.255.707	67.255.707	-
- Nguyên giá	228	325.000.000	325.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(257.744.293)	(257.744.293)	-
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-	-
- Nguyên giá	231	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	232.200.000	232.200.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	232.200.000	232.200.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	472.451.270	472.451.270	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	472.451.270	472.451.270	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-	-
3. Thiết bị, VTPT thay thế dài hạn	263	-	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-	-
V. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	270	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	270	348.901.225.209	353.459.563.346	4.558.338.137
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	127.216.698.712	128.128.366.339	911.667.627
I. Nợ ngắn hạn	310	127.216.698.712	128.128.366.339	911.667.627
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16.287.012.483	16.287.012.483	-

2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	77.998.924.879	77.998.924.879	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.700.167.262	3.611.834.889	911.667.627
4. Phải trả người lao động	314	25.709.265.058	25.709.265.058	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.652.290.148	3.652.290.148	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HFXD	317	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	315.832.950	315.832.950	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	553.205.932	553.205.932	-
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	324	-	-	-
II. Nợ dài hạn	330	-	-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	221.684.526.497	225.331.197.007	3.646.670.510
I. Vốn chủ sở hữu	410	221.684.526.497	225.331.197.007	3.646.670.510
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	157.312.600.000	157.312.600.000	-
- Vốn góp của chủ sở hữu	411a	157.312.600.000	157.312.600.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	881.911.314	881.911.314	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-	-

7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	17.567.948.154	17.567.948.154	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	45.922.067.029	49.568.737.539	3.646.670.510
- LNST chưa phân phối lũy kế đến CKT	421a	1.189.466.464	1.189.466.464	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	44.732.600.565	48.379.271.075	3.646.670.510
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-	-
C. LỢI TÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	470	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	348.901.225.209	353.459.563.346	4.558.338.137

*** Nguyên nhân chênh lệch:**

TÀI SẢN TĂNG		4.558.338.137 đ
1 Hàng tồn kho tăng		3.800.000.000 đ
- Do Công ty chưa phân bổ chi phí vận chuyển cho lượng tồn kho cuối kỳ theo quy định tại Đoạn 6, chuẩn mực số 1 - Chuẩn mực chung theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		3.800.000.000 đ
2 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng		533.940.000 đ
- Do chi phí sửa chữa nâng cấp thay thế mới Hệ thống đóng bao sản phẩm của dây chuyền về viên sản xuất NPK, đơn vị hạch toán vào chi phí sản xuất trong kỳ là chưa đúng theo khoản 1 Điều 7 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.		533.940.000 đ
3 Giá trị hao mòn TSCĐ hữu hình tăng		7.801.863 đ
- Do tăng khấu hao tương ứng với TSCĐ là Hệ thống đóng bao		7.801.863 đ
4 Chi phí xây dựng dở dang tăng		232.200.000 đ
- Chi phí tư vấn khảo sát lập hồ sơ thiết kế, thẩm duyệt thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình cải tạo sửa chữa nhà kho, đơn vị hạch toán vào chi phí trong kỳ chưa đúng theo khoản 1 Điều 46 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và khoản 1 Điều 31 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.		232.200.000 đ
NGUỒN VỐN TĂNG		4.558.338.137 đ

1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng	911.667.627 đ
- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lãi, tăng thuế TNDN).	911.667.627 đ
2 LNST chưa phân phối kỳ này tăng	3.646.670.510 đ
- Do kết quả kiểm toán thay đổi.	3.646.670.510 đ

Phụ lục số 02b/BBKT-DN

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	01	914.853.215.175	914.853.215.175	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	472.184.250	472.184.250	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-03)	10	914.381.030.925	914.381.030.925	-
4. Giá vốn hàng bán	11	762.761.125.753	762.002.787.616	(758.338.137)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20	151.619.905.172	152.378.243.309	758.338.137
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.452.604.936	1.452.604.936	-
7. Chi phí tài chính	22	3.660.892.233	3.660.892.233	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	108.341.343	108.341.343	-
8. Chi phí bán hàng	24	63.299.920.135	59.499.920.135	(3.800.000.000)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34.930.769.499	34.930.769.499	-
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25))	30	51.180.928.241	55.739.266.378	4.558.338.137
11. Thu nhập khác	31	4.739.549.652	4.739.549.652	-
12. Chi phí khác	32	16.701.164	16.701.164	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	4.722.848.488	4.722.848.488	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	55.903.776.729	60.462.114.866	4.558.338.137
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.171.176.164	12.082.843.791	911.667.627
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TN doanh nghiệp	60	44.732.600.565	48.379.271.075	3.646.670.510
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	2.844	2.844	-

*** Nguyên nhân chênh lệch:**

1 Giá vốn hàng bán giảm	758.338.137 đ
* Tăng:	7.801.863 đ

- Do tăng khấu hao tương ứng với TSCĐ là Hệ thống đóng bao	7.801.863 đ
* Giảm:	766.140.000 đ
- Do chi phí sửa chữa nâng cấp thay thế mới Hệ thống đóng bao sản phẩm của dây chuyền vệ viên sản xuất NPK, đơn vị hạch toán vào chi phí sản xuất trong kỳ là chưa đúng theo khoản 1 Điều 7 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.	533.940.000 đ
- Chi phí tư vấn khảo sát lập hồ sơ thiết kế, thẩm duyệt thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình cải tạo sửa chữa nhà kho, đơn vị hạch toán vào chi phí trong kỳ chưa đúng theo khoản 1 Điều 46 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và khoản 1 Điều 31 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	232.200.000 đ
2 Chi phí bán hàng giảm	3.800.000.000 đ
- Do Công ty chưa phân bổ chi phí vận chuyển cho lượng tồn kho cuối kỳ theo quy định tại Đoạn 6, chuẩn mực số 1 - Chuẩn mực chung theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	3.800.000.000 đ
3 Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng	911.667.627 đ
- Do doanh thu, chi phí thay đổi.	911.667.627 đ
4 Tổng lợi nhuận sau thuế tăng	3.646.670.510 đ
- Do kết quả kiểm toán thay đổi	3.646.670.510 đ

Phụ lục số 02c/BBKT-DN

THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN ĐẾN 31/12/2024

1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	27.342.450	27.342.450	-
1.Thuế GTGT	-	-	-
2.Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3.Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4.Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
5.Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
6.Thuế tài nguyên	27.342.450	27.342.450	-

7.Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8.Các loại thuế khác	-	-	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
II.Các khoản phải thu khác	-	-	-
1.Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	27.342.450	27.342.450	-
III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-

2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	2.700.167.262	3.611.834.889	911.667.627
1.Thuế GTGT	409.602.127	409.602.127	-
2.Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3.Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4.Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.167.946.466	3.079.614.093	911.667.627
5.Thuế thu nhập cá nhân	122.618.669	122.618.669	-
6.Thuế tài nguyên	-	-	-
7.Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8.Các loại thuế khác	-	-	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
II.Các khoản phải nộp khác	-	-	-
1.Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	2.700.167.262	3.611.834.889	911.667.627
III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-

* Nguyên nhân chênh lệch:

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC TĂNG	911.667.627 đ
1 Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng	911.667.627 đ
- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lợi nhuận tăng TNDN).	911.667.627 đ

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN LÂN NINH BÌNH

ST T	Đơn vị/chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Đơn vị tính: đồng	Ghi chú
I	Thuế TNDN		911.667.627			
1	Công ty Cổ phần Phần lân Ninh Bình	2700224471	911.667.627	- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lợi nhuận tăng thuế TNDN)		
	Tổng cộng		911.667.627			